TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 453/2021/LĐ-PT Ngày: 11- 5 - 2021 V/v: Tranh chấp về bồi thường thiệt hại tiền bảo hiểm thất nghiệp.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Sang

Các Thẩm phán: 1/ Bà Phan Thị Út

2/ Bà Nguyễn Thị Thoa

- Thư ký phiên toà: Bà Tăng Thị Hồng Thanh – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Thân Trọng Minh Phương – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26 tháng 4, ngày 04 và ngày 11 tháng 5 năm 2021, tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, đã mở phiên tòa xét xử công khai đối với vụ án lao động phúc thẩm thụ lý số 84/2020/TLPT-LĐ ngày 28 tháng 12 năm 2020 về việc: "Tranh chấp về bồi thường thiệt hại tiền bảo hiểm thất nghiệp".

Do Bản án lao động sơ thẩm số 61/2020/LĐ-ST ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1471/2021/QĐ-PT ngày 06 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Huỳnh H, sinh năm 1978.

Địa chỉ: đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Thanh H1, sinh năm 1971.

Địa chỉ: 22 đường H, Khu phố B, phường P, thành phố B , tỉnh Đ – Văn bản ủy quyền ngày 16/7/2019 (vắng mặt khi tuyên án).

- *Bị đơn:* Ngân hàng P

Trụ sở: đường L, phường B, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Thanh P, sinh năm 1980 hoặc bà Đỗ Thị Y, sinh năm 1996 - Văn bản ủy quyền ngày 13/11/2019 (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Huỳnh H và quá trình tham gia tố tụng có ông Trần Thanh H1 đại diện ủy quyền trình bày:

Ngày 03/3/2017, nguyên đơn ông Trần Huỳnh H và bị đơn Ngân hàng P (P) có ký kết hợp đồng lao động xác định thời hạn từ ngày 03/3/2017 đến ngày 31/3/2019. Ngày 08/5/2019, Ngân hàng P ban hành quyết định số:1188/2019/QĐ-NS chấm dứt hợp đồng lao động với nguyên đơn kể từ ngày 15/02/2019, căn cứ đơn xin thôi việc của nguyên đơn đề ngày 14/01/2019 (xin nghỉ việc từ ngày 19/01/2019). Sau khi nộp đơn xin thôi việc ngày 14/01/2019, nguyên đơn vẫn đi làm nhưng không liên tục vì thời gian này phải tiến hành bàn giao các công việc theo yêu cầu của bị đơn và nguyên đơn nghỉ việc sau khi nhận được quyết định chấm dứt hợp đồng lao động.

Trong Quyết định số:1188/2019/QĐ-NS ngày 08/5/2019 có nội dung: "Điều 1: Chấm dứt Hợp đồng lao động được ký giữa P và ông Trần Huỳnh H – Sinh năm 1978 – MSNV P04079 kể từ ngày 15/02/2019"; "Điều 2: Ông Trần Huỳnh H được hưởng lương và các khoản phụ cấp có liên quan, được hưởng trợ cấp thôi việc (nếu có) theo quy định của P và pháp luật". Ngay khi nhận được quyết định ngày 10/5/2019, nguyên đơn tiến hành hoàn tất thủ tục bảo hiểm xã hội, đăng ký hưởng trợ cấp thất nghiệp theo quy định của pháp luật.

Ngày 18/6/2019, nguyên đơn nhận được Thông báo số: 56TB-TTDVVL của Trung tâm Dịch vụ việc làm – Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh Đ thông báo cho nguyên đơn không được hưởng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, với lý do: "Ngày 14 tháng 6 năm 2019, Trung tâm Dịch vụ việc làm đã nhận được hồ sơ đề nghị được hưởng trợ cấp thất nghiệp của ông. Căn cứ quy định của pháp luật về điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp, Trung tâm Dịch vụ việc làm thông báo cho ông được biết, trường hợp của ông không được hưởng trợ cấp thất nghiệp, lý do: không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp (quá hạn đăng ký 3 tháng kể từ ngày nghỉ việc)".

Theo Điều 1 Quyết định số: 1188/2019/QĐ-NS ngày 08/5/2019, bị đơn chấm dứt hợp đồng lao động với nguyên đơn kể từ ngày 15/02/2019 nhưng đến ngày 10/5/2019 nguyên đơn mới nhận được quyết định. Thực tế, bị đơn đã chấm dứt việc đóng bảo hiểm thất nghiệp cho nguyên đơn từ tháng 01/2019 nhưng đến ngày 10/5/2019 nguyên đơn mới nhận được quyết định số: 1188/2019/QĐ-NS ngày 08/5/2019 là đã quá thời hạn 3 tháng để đăng ký hưởng trợ cấp thất nghiệp.

Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn bồi thường toàn bộ số tiền 209.000.000 đồng, là số tiền nguyên đơn được hưởng sau khi đã đăng ký hưởng trợ cấp thất nghiệp theo quy định (lương tối thiểu vùng: Vùng 1: 4.180.000 đồng, cụ thể: 4.180.000 đồng x 5 = 20.900.000 đồng x 10 tháng = 209.000.000 đồng). Ngoài yêu cầu khởi kiện trên, nguyên đơn không còn yêu cầu nào khác.

Quá trình tham gia tố tụng bị đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Phương Đông, có ông Nguyễn Thanh P đại diện trình bày:

Ngày 03/3/2017, bị đơn và nguyên đơn có ký hợp đồng lao động, loại hợp đồng xác định thời hạn từ ngày 03/3/2017 đến ngày 31/3/2019. Ngày 08/5/2019, bị đơn ban hành Quyết định số: 1188/2019/QĐ-NS chấm dứt hợp đồng lao động với nguyên đơn kể từ ngày 15/02/2019, theo đơn xin thôi việc của nguyên đơn đề ngày 14/01/2019, xin nghỉ việc từ ngày 19/01/2019.

Khi chấm dứt hợp đồng lao động với nguyên đơn, bị đơn đã thanh toán đầy đủ các chế độ cho nguyên đơn theo quy định tại Điều 5 và Điều 11 Quyết định số: 20/2015/QĐ-TGĐ ngày 22/01/2015 và tại Bước 6 của quy trình số: 21/2015/QĐ-TGĐ ngày 22/01/2015 của bị đơn. Sau khi nguyên đơn nộp đơn xin nghỉ ngày 14/01/2019 thì nguyên đơn xin nghỉ không hưởng lương từ ngày 01/02/2019 đến ngày 14/02/2019 thể hiện qua bảng chấm công tháng 02/2019 nên bị đơn chỉ đóng bảo hiểm xã hội cho nguyên đơn đến hết tháng 01/2019. Theo quy định tại khoản 4 Điều 42 Quyết định số: 595/QĐ-BHXH ngày 14/4/2017 của bảo hiểm xã hội quy định: "Người lao động không làm việc và không hưởng tiền lương từ 14 ngày làm việc trở lên trong tháng thì không đóng bảo hiểm xã hội tháng đó. Thời gian này không được tính để hưởng bảo hiểm xã hội".

Bị đơn đã báo giảm và chốt sổ bảo hiểm xã hội cho nguyên đơn theo quy định từ tháng 5/2019. Khi bàn giao sổ bảo hiểm xã hội nguyên đơn không có bất cứ khiếu nại gì liên quan đến việc chốt và nhận sổ bảo hiểm xã hội cũng như nhận quyết định chấm dứt hợp đồng lao động. Tuy nhiên, khi nguyên đơn không thực hiện được thủ tục hưởng trợ cấp thất nghiệp thì nguyên đơn khiếu nại yêu cầu giải quyết quyền lợi liên quan đến trợ cấp thất nghiệp, bị đơn đã làm việc và đưa ra phương án giải quyết nhưng nguyên đơn không đồng ý. Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn bồi thường số tiền 209.000.000 đồng, là tiền nguyên đơn không được hưởng trợ cấp thất nghiệp theo quy định bị đơn không đồng ý. Bị đơn xác nhận mức lương đóng bảo hiểm xã hội cho nguyên đơn trước khi chấm dứt hợp đồng lao động là 27.800.000 đồng/tháng (từ tháng 7/2018 đến tháng 01/2019), bị đơn không có yêu cầu phản tố.

Tại Bản án lao động sơ thẩm số 61/2020/LĐ-ST ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh, tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Huỳnh H đòi Ngân hàng P bồi thường số tiền trợ cấp thất nghiệp là 166.800.000 (Một trăm sáu mươi sáu triệu, tám trăm nghìn) đồng.

Thi hành ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật, tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí: Ngân hàng P phải chịu án phí lao động sơ thẩm 5.004.000 (Năm triệu không trăm lẻ bốn nghìn) đồng. Ông Trần Huỳnh H không phải chịu án phí lao động sơ thẩm.

Ngày 30/10/2020, bị đơn Ngân hàng P có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn ông Trần Huỳnh H có người đại diện là ông Trần Thanh H1 không rút đơn khởi kiện, bị đơn là Ngân hàng P có người đại diện là ông Nguyễn Thanh P không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người kháng cáo bị đơn Ngân hàng P có ông Nguyễn Thanh P đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bản án sơ thẩm cho rằng nguyên đơn không nhận được tiền trợ cấp thất nghiệp là do lỗi của bị đơn Ngân hàng P nên buộc bị đơn phải bồi thường cho nguyên đơn số tiền trợ cấp thất nghiệp là 168.800.000 đồng là không có căn cứ. Vì ngày 14/01/2019 nguyên đơn nộp đơn xin nghỉ việc, thời gian nghỉ việc bắt đầu từ ngày 19/01/2019. Từ ngày 01/02/2019 đến ngày 14/02/2019 nguyên đơn xin nghỉ không hưởng lương thể hiện qua bảng chấm công tháng 02/2019 nên bị đơn chỉ đóng bảo hiểm xã hội cho nguyên đơn đến tháng 01/2019. Khi nguyên đơn làm thủ tục bàn giao xong thì ngày 08/5/2019 bị đơn ban hành quyết định số 1188/2019/QĐ-NS chấm dứt hợp đồng lao động với nguyên đơn kể từ ngày 15/02/2019 theo đơn xin nghỉ việc của nguyên đơn, ngày 10/5/2019 bị đơn bàn giao quyết định chấm dứt hợp đồng lao động cho nguyên đơn mặc dù có chậm trễ nhưng vẫn đảm bảo còn trong thời hạn 3 tháng để cho nguyên đơn làm thủ tục hưởng trợ cấp thất nghiệp theo quy định. Do có sai sót trong việc đóng trùng bảo hiểm nên cần phải điều chỉnh, đến ngày 14/6/2019 nguyên đơn mới nộp lại hồ sơ hưởng trợ cấp thất nghiệp thì bị từ chối. Nên việc nguyên đơn không được giải quyết hồ sơ hưởng trợ cấp thất nghiệp không phải lỗi của bị đơn. Ngoài ra, nguyên đơn không chứng minh được thiệt hại thực tế xảy ra. Đồng thời, hiện nay nguyên đơn đã làm việc tại tổ chức khác và đã được đóng bảo hiểm theo quy định nên nguyên đơn không thuộc đối tượng để được hưởng trợ cấp thất nghiệp. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Sửa Bản án sơ thẩm.

Nguyên đơn ông Trần Huỳnh H có ông Trần Thanh H1 đại diện ủy quyền trình bày:

Ông Trần Thanh H1 là đại diện ủy quyền của nguyên đơn cho rằng mức lương thực lãnh của nguyên đơn là 35.345.000 đồng/tháng. Tòa án cấp sơ thẩm tính mức lương 27.800.000 đồng/tháng là không đúng. Tuy nhiên, nguyên đơn không kháng cáo nên không yêu cầu xem xét lại tiền lương. Việc nguyên đơn không được hưởng tiền bảo hiểm thất nghiệp là do lỗi của bị đơn, ngưng đóng bảo hiểm xã hội cho nguyên đơn từ tháng 01/2019, cho thôi việc ngày 15/02/2019 đến ngày 08/5/2019 mới ban hành quyết định chấm dứt hợp đồng lao động là quá hạn đăng ký 3 tháng nên không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp. Bản án sơ thẩm số 61/2020/LĐ-ST ngày 25/9/2020 của Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử là đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong giai đoạn xét xử phúc thẩm kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Nguyên đơn ông H yêu cầu bị đơn P phải bồi thường tiền bảo hiểm thất nghiệp mà ông H không được nhận do P chậm ban hành quyết định chấm dứt hợp đồng lao động nên không kịp làm thủ tục hưởng bảo hiểm thất nghiệp trong thời gian thôi việc.

* Về thiệt hại: Ông H xác định có thiệt hại nhưng không cung cấp chứng cứ chứng minh, chỉ yêu cầu được bồi thường 10 tháng lương.

* Về lỗi: Căn cứ vào Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động số 1188/QĐ-NS ngày 08/5/2019, tại Điều 1 thể hiện*: "Chấm dứt hợp đồng lao động ký giữa P và ông H kể từ ngày 15/02/2019"*. Như vậy, thời điểm ông H thôi việc là ngày 15/02/2019 theo đơn xin thôi việc đề ngày 14/01/2019.

Ông H đã được hưởng đầy đủ chế độ của P, tuy nhiên quyết định chấm dứt hợp đồng lao động, ngày 10/5/2020 P mới bàn giao cho ông H .

Ngày 11/5/2019, P thực hiện báo giảm bảo hiểm xã hội cho ông H tại Bảo hiểm xã hội tỉnh Đồng Nai. Ngày 13/5/2019, ông H nộp hồ sơ xin hưởng trợ cấp thất nghiệp nhưng đến ngày 21/5/2019 Bảo hiểm xã hội tỉnh Đ trả hồ sơ cho ông H với lý do vào tháng 4/2014, Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam và Quỹ Tín dụng nhân dân cao su Đ đều đóng bảo hiểm xã hội cho ông H . Do đó, Bảo hiểm xã hội tỉnh Đ yêu cầu ông H làm hồ sơ hoàn lại số tiền đóng trùng

trên. Sau khi thực hiện xong hồ sơ hoàn tiền, ngày 14/6/2019 ông H tiếp tục nộp hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp thất nghiệp thì lúc này Bảo hiểm xã hội tỉnh Đ không chấp nhận do đã quá thời hạn 3 tháng kể từ ngày nghỉ việc.

Như vậy, khi ông H nộp hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp thất nghiệp là còn trong thời hạn 3 tháng kể từ ngày chấm dứt hợp đồng lao động với P. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm xác định P có lỗi để chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông H là không có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Phương Đông. Sửa Bản án lao động sơ thẩm số 61/2020/LĐ-ST ngày 25/9/2020 của Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm vấn công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1]. Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị đơn Ngân hàng P trong hạn luật định nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2]. Về quan hệ tranh chấp: Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện nguyên đơn cho rằng nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn bồi thường thiệt hại do ban hành và giao Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động số 1188/2019/QĐ-NS cho nguyên đơn trễ hạn nên nguyên đơn không nhận được tiền bảo hiểm thất nghiệp, gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên yêu cầu bị đơn phải bồi thường thiệt hại bằng 10 tháng tiền lương, nguyên đơn xác định không yêu cầu bị đơn trả tiền bảo hiểm thất nghiệp mà nguyên đơn không được hưởng. Xét, đây là quan hệ tranh chấp Bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng phát sinh từ quan hệ lao động. Tòa án cấp sơ thẩm xác định là tranh chấp về bồi thường thiệt hại tiền bảo hiểm thất nghiệp là đúng.

[3]. Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

Ngày 03/3/2017, nguyên đơn ông Trần Huỳnh H và bị đơn Ngân hàng P (P) có ký kết hợp đồng lao động xác định thời hạn từ ngày 03/3/2017 đến ngày 31/3/2019. Ngày 14/01/2019 ông H nộp đơn xin nghỉ việc, thời gian nghỉ việc bắt đầu từ ngày 19/01/2019. Ngày 08/5/2019, P ban hành Quyết định số 1188/2019/QĐ-NS chấm dứt hợp đồng lao động với ông H kể từ ngày 15/02/2019 theo đơn xin nghỉ việc của ông H đề ngày 14/01/2019. Ngày 10/5/2019, P giao Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động cho ông H . Ngày 13/5/2019, ông H nộp hồ sơ xin hưởng trợ cấp thất nghiệp tại Bảo hiểm xã hội tỉnh Đồng Nai. Ngày 21/5/2019 Bảo hiểm xã hội tỉnh Đ trả hồ sơ cho ông H với lý do đóng trùng bảo hiểm xã hội tháng 4/2014. Do đó, Bảo hiểm xã hội tỉnh Đ

yêu cầu ông H làm hồ sơ hoàn lại số tiền đóng bảo hiểm xã hội bị trùng. Sau khi thực hiện xong hồ sơ hoàn tiền, ngày 14/6/2019, ông H tiếp tục nộp hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp thất nghiệp. Ngày 18/6/2019, ông H nhận được Thông báo số: 56TB-TTDVVL của Trung tâm Dịch vụ việc làm – Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh Đ thông báo cho ông H không được hưởng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, với lý do quá hạn đăng ký 3 tháng kể từ ngày nghỉ việc. Ông H cho rằng do P chậm ban hành và giao quyết định chấm dứt hợp đồng lao động nên ông H không kịp làm thủ tục hưởng bảo hiểm thất nghiệp trong thời gian thôi việc. Do đó ông H khởi kiện yêu cầu P phải bồi thường khoản tiền bảo hiểm thất nghiệp lẽ ra ông H được nhận là 209.000.000 đồng.

Bản án sơ thẩm số 61/2020/LĐ-ST ngày 25/9/2020 của Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh đã nhận định: Bị đơn cho nguyên đơn nghỉ việc từ ngày 15/02/2019 nhưng đến ngày 10/5/2019 bị đơn mới giao quyết định chấm dứt hợp đồng lao động cho nguyên đơn là chưa thực hiện đúng quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 47 Bộ luật Lao động năm 2012 về trách nhiệm của người sử dụng lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động với người lao động. Đồng thời trong quá trình tố tụng bị đơn thừa nhận việc do nguyên đơn phải bàn giao công việc nên đến ngày 10/5/2019 bị đơn mới giao quyết định và trả sổ bảo hiểm cho nguyên đơn là sơ suất của bị đơn. Do bị đơn không thực hiện đúng trách nhiệm của người sử dụng lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động với người lao động gây thiệt hại làm cho nguyên đơn không được hưởng chế độ trợ cấp thất nghiệp khi chấm dứt hợp đồng theo quy định là lỗi của bị đơn nên bị đơn phải chịu hậu quả do hành vi trái pháp luật của bị đơn gây ra. Mặc dù, nguyên đơn không chứng minh được thiệt hại thực tế nhưng tại thời điểm nguyên đơn yêu cầu được hưởng trợ cấp thất nghiệp mà bị từ chối đã gây thiệt hại cho nguyên đơn. Căn cứ khoản 2 Điều 50 Luật Việc làm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Huỳnh H đòi Ngân hàng P bồi thường số tiền trợ cấp thất nghiệp là 166.800.000 đồng.

[4]. Xét, kháng cáo của bị đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Phương Đông, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[4.1]. Về việc ban hành và giao quyết định chấm dứt hợp đồng lao động của P đối với ông Trần Huỳnh H.

Tại Điều 1 của Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động số 1188/QĐ-NS ngày 08/5/2019 có nội dung*:" Chấm dứt hợp đồng lao động ký giữa P và ông H kể từ ngày 15/02/2019"*.

Như vậy, thời điểm P cho ông H thôi việc là ngày 15/02/2019, đến ngày 08/5/2019 P ban hành Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động số 1188/QĐ-NS, ngày 10/5/2019 P giao quyết định cho ông H .

Tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Ông Phước đại diện P cho rằng do ông H làm Giám đốc quản lý các khách hàng của P chi nhánh Đ nên khi chấm dứt hợp đồng lao động, ông H cần phải tiến hành bàn giao một khối lượng công việc rất lớn như chốt các hợp đồng tín dụng, chốt các khách hàng, đối chiếu công nợ, bàn giao sổ sách trang thiết bị ... nên các bên thống nhất là khi bàn giao xong, phải được kiểm tra rồi mới ban hành quyết định chấm dứt hợp đồng lao động. Cho nên, khi ông H hoàn tất thủ tục bàn giao thì ngày 08/5/2019 P ban hành Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động số 1188/QĐ-NS, ngày 10/5/2019, P giao quyết định cho ông H , ngày 13/5/2019, ông H nộp hồ sơ xin hưởng trợ cấp thất nghiệp tại Bảo hiểm xã hội Đ là còn trong thời hạn 3 tháng.

Ông H1 đại diện nguyên đơn xác nhận rằng do ông H bàn giao hồ sơ chậm, thời gian kéo dài nên ngày 08/5/2019 P mới ban hành Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động số 1188/QĐ-NS với ông H và ngày 10/5/2019, P giao Quyết định cho ông H . Nhưng do P chấm dứt việc đóng bảo hiểm cho ông H sớm (từ tháng 01/2019) cho nên khi nhận quyết định chấm dứt hợp đồng lao động ông H không kịp làm thủ tục nên không được hưởng bảo hiểm thất nghiệp trong thời gian thôi việc là lỗi của P.

Xét, đơn xin thôi việc đề ngày 14/01/2019 thể hiện ông H xin thôi việc tại P kể từ ngày 19/01/2019.

Căn cứ vào bảng chấm lương do P cung cấp: từ ngày 01/02/2019 đến ngày 14/02/2019 ông H không đến làm việc.

Căn cứ vào Khoản 4 Điều 42 Quyết định 595/QĐ-BHXH quy định: "*người lao động không làm việc và không hưởng tiền lương từ 14 ngày làm việc trở lên thì không đóng bảo hiểm xã hội tháng đó"*.

Như vậy, việc P nộp tiền bảo hiểm xã hội ông H đến tháng 01/2019 là đúng theo quy định của Khoản 4 Điều 42 Quyết định 595/QĐ-BHXH.

Xét thấy, việc P chấm dứt hợp đồng lao động với ông H từ ngày 15/02/2019 nhưng đến ngày 08/5/2019 P ban hành Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động số 1188/QĐ-NS là do các bên bàn giao hồ sơ chậm, khi nhận quyết định chấm dứt hợp đồng lao động ông H không thắc mắc hay khiếu nại gì mà đem nộp hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp thất nghiệp được Bảo hiểm xã hội tỉnh Đ nhận ngày 13/5/2019.

Như vậy, ông H nộp hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp thất nghiệp tại Bảo hiểm xã hội Đ là còn trong thời hạn 3 tháng kể từ ngày chấm dứt hợp đồng lao động với P.

Ngày 21/5/2019 Bảo hiểm xã hội tỉnh Đ trả hồ sơ cho ông H với lý do đóng trùng bảo hiểm tháng 4/2014. Do đó, Bảo hiểm xã hội tỉnh Đ yêu cầu ông H làm hồ sơ hoàn lại số tiền đã đóng trùng trên. Sau khi thực hiện xong hồ sơ

hoàn tiền, ngày 14/6/2019 ông H tiếp tục nộp hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp thất nghiệp thì lúc này Bảo hiểm xã hội tỉnh Đ không chấp nhận do đã quá thời hạn 3 tháng kể từ ngày nghỉ việc.

Xét, việc hồ sơ của ông H bị đóng trùng bảo hiểm nên bị trả lại để điều chỉnh dẫn đến việc nộp hồ sơ xin hưởng trợ cấp thất nghiệp trễ hạn, nên ông H không được hưởng trợ cấp thất nghiệp là do khách quan, không phải lỗi của P. Tòa án cấp sơ thẩm xác định P có lỗi để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có cơ sở.

[4.2]. Về thiệt hại của nguyên đơn:

Tại phiên tòa phúc thẩm ông H1 đại diện nguyên đơn không chứng minh được thiệt hại thực tế đã xảy ra cho ông H , đồng thời, xác nhận là hiện nay ông H đang làm việc tại Ngân hàng A – Chi nhánh Đ và đóng bảo hiểm xã hội tại Bảo hiểm xã hội tỉnh Đ từ tháng 01/2021 cho đến nay.

Căn cứ khoản 1 Điều 45 Luật Việc làm năm 2013 quy định: *"1. Thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp để xét hưởng bảo hiểm thất nghiệp là tổng các khoảng thời gian đã đóng bảo hiểm thất nghiệp liên tục hoặc không liên tục được cộng dồn từ khi bắt đầu đóng bảo hiểm thất nghiệp cho đến khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc theo quy định của pháp luật mà chưa hưởng trợ cấp thất nghiệp..."*.

Như vậy, số tiền bảo hiểm thất nghiệp mà ông H chưa được hưởng sẽ không mất đi mà được cộng dồn từ khi bắt đầu đóng bảo hiểm thất nghiệp cho đến khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc theo quy định của pháp luật mà chưa hưởng trợ cấp thất nghiệp theo khoản 1 Điều 45 của Luật Việc làm năm 2013.

Đồng thời, tại phiên tòa phúc thẩm đại diện nguyên đơn cũng không xuất trình được chứng cứ để chứng minh được thiệt hại thực tế đã xảy ra cho nguyên đơn nên không thể buộc bị đơn phải bồi thường. Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng: Mặc dù, nguyên đơn không chứng minh được thiệt hại thực tế nhưng vẫn chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Huỳnh H buộc Ngân hàng P bồi thường số tiền trợ cấp thất nghiệp 166.800.000 đồng là không có căn cứ.

Xét, kháng cáo của bị đơn Ngân hàng P là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Xét, đại diệnViện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị chấp nhận kháng cáo của bị đơn Ngân hàng P là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn Ngân hàng P và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí

Minh. Sửa Bản án sơ thẩm số 61/2020/LĐ-ST ngày 25/9/2020 của Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

[5]. Về án phí lao động sơ thẩm: Nguyên đơn ông Trần Huỳnh H được miễn nộp tiền án phí lao động sơ thẩm theo khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6]. Về án lao động phí phúc thẩm: Do kháng cáo của bị đơn Ngân hàng P được chấp nhận nên không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn lại tiền tạm nộp án phí phúc thẩm cho bị đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 và Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 45 Luật Việc làm năm 2013;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào các điều 2, 6, 7, 9, 30 Luật Thi hành án Dân sự năm 2008;

Chấp nhận kháng cáo của bị đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Phương Đông. Sửa Bản án lao động sơ thẩm số 61/2020/LĐ-ST ngày 25/9/2020 của Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Huỳnh H về việc buộc bị đơn Ngân hàng P bồi thường thiệt hại số tiền 209.000.000 (Hai trăm lẻ chín triệu) đồng do không nhận được tiền bảo hiểm thất nghiệp.

2. Án phí sơ thẩm: Ông Trần Huỳnh H được miễn nộp tiền án phí lao động sơ thẩm.

3. Án phí phúc thẩm: Ngân hàng P không phải chịu án phí lao động phúc thẩm. Hoàn lại 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng P theo biên lai thu tiền số 0030028 ngày 06/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự. Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TPHCM;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại TPHCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TPHCM;
- Tòa án nhân dân Quận M, TPHCM;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận M, TPHCM;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Sang

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

THẨM PHÁN THẨM PHÁN THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Út Nguyễn Thị Thoa Võ Thị Sang

